

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 20-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Ông Nguyễn Văn Điền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Trần Hùng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 03 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. TVS, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 311 Lô 1 tái định cư A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông C và bà D, có vợ là E và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2019 đến ngày 12/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. NVB, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1987 tại Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn F, xã G, huyện H, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: Tổ 7 Thị trấn I, huyện I, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông J và bà K, có vợ là L và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2019 đến ngày 12/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. NVT, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1987 tại Nam Định. Nơi cư trú: Tổ 8

Thị trấn I, huyện I, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông M và bà N, có vợ là O và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2019 đến ngày 10/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. NQT, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 27/5A đường P, phường Q, quận R, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: GH70 khu S, phường T, quận R, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông U và bà V, có vợ là W và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2019 đến ngày 12/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. NKK, sinh ngày 11 tháng 3 năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Xóm X, xã Y, huyện Z, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông AA và bà AB, có vợ là AC và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2019 đến ngày 10/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. NTH, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn AD, xã AE, huyện I, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông AF và bà AG, có vợ là AH và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2019 đến ngày 10/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. VDD, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1983 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn AI, xã AJ, huyện AK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông AL và bà AM, có vợ là AN và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2019 đến ngày 10/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông NLC1; vắng mặt;

+ Anh NLC2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/12/2019, Công an quận Hồng Bàng bắt quả tang tại nhà nghỉ AO thuộc khu đô thị AP, phường AQ, quận R, thành phố Hải Phòng 07 đối tượng gồm:

TVS, NVB, NVT, NQT, NKK, NTH, VDD đang đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và số tiền 19.200.000 đồng.

Quá trình điều tra các đối tượng, khai nhận: Ngày 07/12/2019, TVS, NVB, NVT, NQT, NKK, NTH và VDD rủ nhau đến nhà nghỉ AO để đánh bạc. Khi đến nhà nghỉ, TVS là người thuê phòng và chuẩn bị 01 bộ bài tú lơ khơ để tất cả đánh bạc bằng hình thức “đánh liêng” được thua bằng tiền. Cụ thể: Mỗi người được chia 03 lá bài, sau đó cộng tổng số điểm của 03 lá bài; các lá từ "2" đến "9" là số điểm tương ứng; sau khi cộng điểm từ 03 lá bài, mỗi người sẽ lần lượt tố bài theo vòng; đầu tiên mỗi người góp 30.000 đồng tiền "gà", từ ván thứ 2 lần lượt góp 20.000 đồng/người/ván; mỗi lần tố bài số tiền thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng; người nào có số điểm cao nhất sẽ được tiền "gà" và số tiền những người chơi còn lại đã tố. Số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc gồm: TVS 1.000.000 đồng, NVB 9.500.000 đồng, NVT 4.500.000 đồng, NQT 3.500.000 đồng, NKK 2.000.000 đồng, NTH 1.400.000 đồng và VDD 1.300.000 đồng để đánh bạc. Tuy nhiên, căn cứ vào số tiền đánh bạc mà Cơ quan Công an đã thu giữ khi bắt quả tang tại chiếu bạc thì chỉ đủ căn cứ kết luận tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 19.200.000 đồng.

Lời khai nhận tội của TVS, NVB, NVT, NQT, NKK, NTH và VDD phù hợp với nhau, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và vật chứng thu giữ.

Vật chứng: Số tiền thu trên chiếu bạc 19.200.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 06 điện thoại di động và số tiền 14.000.000 đồng thu trên người các bị cáo, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng quản lý.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 18/3/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo TVS, NVB, NVT, NQT, NKK, NTH và VDD đều về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo TVS, NVB, NVT, NQT, NKK, NTH và VDD khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đề nghị:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo TVS với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội “Đánh bạc”;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NVB với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội “Đánh bạc”;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NVT với mức án từ 12 tháng đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo NQT từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo NKK từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo NTH từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo VDD từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

- Phạt bị cáo TVS 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước; Không phạt bổ sung đối với các bị cáo NVB, NVT, NQT, NKK, NTH và VDD.

- Xử lý vật chứng của vụ án, buộc các bị cáo phải nộp án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, tạo điều kiện để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 07/12/2019, tại nhà nghỉ AO khu đô thị AP, phường AQ, quận R, thành phố Hải Phòng, TVS, NVB, NVT, NQT, NKK, NTH và VDD đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng bằng bài tú lơ khơ. Tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc tại chiều bạc là 19.200.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo TVS, NVB, NVT, NQT, NKK, NTH và VDD đủ yếu tố cấu thành đồng phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

[4] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong cộng đồng dân cư nên cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để phân hóa tội phạm cũng như áp dụng một mức hình phạt tương xứng theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Xét vai trò đối với các bị cáo:

[6] TVS sử dụng số tiền đánh bạc 1.000.000 đồng nhưng tham gia với vai trò chính, là người rủ các bị cáo khác, chuẩn bị phương tiện, dụng cụ để đánh bạc; NVB tham gia đánh bạc với số tiền 9.500.000 đồng nên TVS, NVB phải chịu mức hình phạt ngang nhau và cao hơn so với các bị cáo khác. NVT đánh bạc với số tiền 4.500.000 đồng nên chịu mức hình phạt thấp hơn TVS và NVB nhưng cao hơn các bị cáo còn lại. NQT tham gia đánh bạc với số tiền 3.500.000 đồng nên mức hình phạt thấp hơn so với NVT. NKK sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc nên mức hình phạt thấp hơn so với NVT. Bị cáo NTH và VDD tham gia đánh bạc với số tiền ít nhất 1.400.000 đồng, 1.300.000 đồng nên chỉ phải chịu mức hình phạt ngang nhau và thấp hơn so với các bị cáo trong vụ án.

- Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và lượng hình đối với các bị cáo:

[7] Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8] Nhân thân các bị cáo TVS, NVT, NVB, NQT, NTH, NKK và VDD đều không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; nên các bị cáo đều được

hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo TVS, NVB, NVT, NQT, NTH, VDD đều có người thân trong gia đình là người có công với cánh mạng, được Tổ quốc ghi công liệt sỹ, được Nhà nước tặng thưởng Huân huy chương kháng chiến; bị cáo NVB có thời gian tham gia trong quân ngũ. Do vậy, các bị cáo TVS, NVB, NVT, NQT, NTH, VDD còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Xét các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đều có nơi cư trú rõ ràng; đến nay hành vi vi phạm của các bị cáo không còn gây nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, không nhất thiết phải áp dụng mức hình phạt cải tạo cách ly đối với các bị cáo mà chỉ cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với từng hành vi của từng bị cáo cũng đảm bảo tính răn đe và phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với bị cáo TVS và NVB cần áp dụng mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo được quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo NVT cần áp dụng mức hình phạt Cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo NQT, NKK, NTH và VDD cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vai trò, tính chất mức độ nên cần phạt tiền bị cáo NQT, NKK cao hơn bị cáo NTH, VDD.

[10] Đối với 01 ngày tạm giữ của bị cáo NVT tại Cơ quan điều tra được chuyển đổi thành 03 ngày Cải tạo không giam giữ để trừ vào thời gian phải chấp hành.

- Về việc khấu trừ thu nhập:

[11] Hội đồng xét xử xét bị cáo NVT không có thu nhập ổn định nên được miễn khấu trừ một phần thu nhập theo khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[12] Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét các bị cáo NVB, NVT, NQT, NKK, NTH và VDD không có thu nhập ổn định, tham gia đánh bạc hạn chế hơn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Riêng bị cáo TVS là người đề xuất, chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc, cần phải áp dụng hình phạt bổ sung và phạt TVS 10.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

[13] Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây là dụng cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 19.200.000 đồng các bị cáo dùng để tham gia đánh bạc; Trả lại tổng số tiền thu giữ trên người của các bị cáo không sử dụng để đánh bạc 14.000.000 đồng (TVS 1.000.000 đồng, NQT 2.000.000 đồng, NTH 2.000.000 đồng, NVT 3.000.000 đồng, VDD 2.000.000 đồng và NKK 4.000.000 đồng) và 06 điện thoại di động cho các bị cáo TVS, NVB, NVT, NQT, NTH, VDD.

- Về án phí:

[14] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo TVS, NVB, NVT, NQT, NKK, NTH và VDD mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo TVS 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”;

Giao bị cáo TVS cho Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm kết hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NVB 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”;

Giao bị cáo NVB cho Ủy ban nhân dân Thị trấn I, huyện I, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm kết hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NVT 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ tại Cơ quan điều tra từ ngày 07/12/2019 đến ngày 10/12/2019 thành 09 ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày giao Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện I, thành phố Hải Phòng được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo NQT số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo NKK số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo NTH số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo VDD số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo TVS 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo TVS chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo TVS, NVB, NVT, NQT, NKK, NTH và VDD.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây;

+ Trả lại 06 (sáu) điện thoại di động đã qua sử dụng cho các bị cáo TVS, NVB, NVT, NQT, NTH, VDD. Cụ thể: TVS 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, IMEI: 359151073749705; NVB 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, IMEI: 359212071179988; NVT 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony màu đen tím, IMEI: 357945053255316; NQT 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen xám, IMEI: 354444068061508; NTH 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, IMEI 1: 356002088028044, IMEI 2: 356002088028051; VDD 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, IMEI: 352073065728959;

+ Trả lại các bị cáo tổng số tiền 14.000.000 đồng. Cụ thể: TVS 1.000.000 (một triệu) đồng; NQT 2.000.000 (hai triệu) đồng; NTH 2.000.000 (hai triệu)

đồng; NVT 3.000.000 (ba triệu) đồng; VDD 2.000.000 (hai triệu) đồng; NKK 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

(Theo Biên lai thu tiền số AA/2010/7529 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng)

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo TVS, NVB, NVT, NQT, NKK, NTH và VDD mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an quận Hồng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Hồng Bàng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn thư.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến